

Bản án số: **68/2024/LĐ - ST**

Ngày: 26-12-2024

*V/v “Tranh chấp tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Thi Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

*- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia
phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung – Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã xét xử công khai vụ án lao động thụ lý số 84/2024/TLST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-LĐ ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Xuân V, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ A phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ); địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 02.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Thảo N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ A phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Bảo hiểm xã hội T1; Địa chỉ: Số D X, Phường H, Quận H, TP Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tổ tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Xuân V trình bày:***

Do không hiểu biết nên bà Trần Thị Xuân V đã cho bà Trần Thị Thảo N là em họ mượn giấy tờ tùy thân để tham gia lao động tại Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ), do đó bị đóng trùng bảo hiểm xã hội, thời gian là 01 tháng.

Đến khi đi làm giấy tờ để hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì bà V mới phát hiện ra bản thân có 02 sổ bảo hiểm xã hội mang số 4810029001 và 4813020797. Do đó, bà Trần Thị Xuân V yêu cầu tuyên Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) và bà Trần Thị Thảo N (dưới tên của bà Trần Thị Xuân V) là vô hiệu. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

**** Bị đơn Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thảo N trình bày:***

Vào năm 2013, bà N có mượn giấy tờ tùy thân của bà Trần Thị Xuân V (là chị họ của bà N) để tham gia lao động kiếm thêm thu nhập trang trải cho việc học tập vào đợt nghỉ hè, cụ thể bà N đã tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ, bây giờ là Công ty TNHH M trong thời gian 01 tháng. Đến năm 2023, khi bà V đi làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội thì phát hiện ra trùng sổ.

Do đó, bà N đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị tuyên Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) và bà Trần Thị Thảo N (dưới tên của bà Trần Thị Xuân V) là vô hiệu.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng trình bày:***

Qua tra cứu dữ liệu quản lý và hồ sơ lưu tại cơ quan BHXH thành phố Đà Nẵng, bà Trần Thị Xuân V, sinh ngày 15/09/1992, có 2 sổ sổ BHXH: Sổ BHXH 4813020797 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH Đ từ tháng 07/2013 đến tháng 07/2013 (chưa thanh toán chế độ BHXH một lần).

Sổ BHXH 4810029001 có quá trình tham gia BHXH tại Công Ty TNHH D từ tháng 11/2010 đến tháng 9/2014; C2 (Việt Nam) từ 8/2015 đến 3/2017; C3 từ 6/2017 đến 3/2018; Công Ty TNHH P từ 9/2018 đến 10/2018; Công ty TNHH V1 từ 12/2018 đến 3/2023 (đã hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định 61442/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/11/2014, Quyết định 7694/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/6/2018, Quyết định 7488/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/5/2023; Chưa thanh toán chế độ BHXH một lần).

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, đồng thời Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Xuân V: tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Xuân V và Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) trong khoảng thời gian tháng 07/2023 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Trần Thị Thảo N trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Trần Thị Xuân V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Xuân V khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, căn cứ khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp lao động nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) có trụ sở tại quận L nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ tuy nhiên bị đơn Công ty TNHH M vắng mặt lần 02 không có lý do, đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ

khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

Bà Trần Thị Xuân V đã gửi đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động đến Sở L. Tuy nhiên, Sở L đã có văn bản trả lời đề nghị bà V gửi hồ sơ khởi kiện sang Tòa án nên căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019 bà V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Trần Thị Xuân V yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà V và Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) trong khoảng thời gian tháng 07/2023 là vô hiệu, do bà Trần Thị Thảo N mới là người trực tiếp lao động.

Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong giai đoạn từ tháng 07/2013 – tháng 07/2013 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 2012 (có hiệu lực từ ngày 01/5/2013).

Về hợp đồng lao động: Bà Trần Thị Xuân V, bà Trần Thị Thảo N đều xác nhận giữa bà Trần Thị Thảo N (dưới tên là V) và Công ty TNHH M có ký hợp đồng lao động xác định thời hạn nhưng thời gian đã lâu, bà N đã làm thất lạc hợp đồng, Công ty TNHH M cũng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Căn cứ vào Văn bản số 2376/BHXXH-QLT-ST ngày 13/11/2024 của Bảo hiểm xã hội T1 xác định bà Trần Thị Xuân V, sinh ngày 15/09/1992, có 2 sổ sổ BHXH: Sổ BHXH 4813020797 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH Đ từ tháng 07/2013 đến tháng 07/2013 (chưa thanh toán chế độ BHXH một lần).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian tháng 07/2013, bà Trần Thị Thảo N đã mượn giấy tờ tùy thân của bà Trần Thị Xuân V để ký hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) và đóng bảo hiểm xã hội ở đây. Trong thời gian này, bà Trần Thị Xuân V đang tham gia BHXH tại Công Ty TNHH D từ tháng 11/2010 đến tháng 9/2014; C2 (Việt Nam) từ 8/2015 đến 3/2017; C3 từ 6/2017 đến 3/2018; Công Ty TNHH P từ 9/2018 đến 10/2018; Công ty TNHH V1 từ 12/2018 đến 3/2023.

Như vậy, trong khoảng thời gian tháng 07/2013, bà Trần Thị Xuân V cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là tại Công ty TNHH M và Công Ty TNHH D. Do đó có cơ sở xác định bà V không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH M, việc bà Trần Thị Thảo N ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M nhưng với tên bà Trần Thị Xuân V là vi phạm quy định tại Điều 15, Điều 18, Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng lao động giữa bà

Trần Thị Thảo N (dưới tên bà Trần Thị Xuân V) và Công ty TNHH M là không có hiệu lực.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân V, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Thảo N (dưới tên bà Trần Thị Xuân V) và Công ty TNHH M trong khoảng thời gian tháng 07/2013 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, bà Trần Thị Xuân V, Công ty TNHH M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như Bảo hiểm xã hội T1, bà Trần Thị Thảo N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Trần Thị Xuân V tự nguyện chịu án phí 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 15, Điều 18, Điều 19; Điều 50; Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2012 (có hiệu lực ngày 01/5/2013);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Xuân V.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Xuân V và Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH Đ) trong khoảng thời gian tháng 07/2013 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Trần Thị Thảo N trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Trần Thị Xuân V.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Trần Thị Xuân V tự nguyện chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Xuân V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008959 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà Trần Thị Xuân V đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nguyễn Thi Thi